BỆNH VIỆN ĐA KHOA
KHU VỰC CỦ CHI
HỘI ĐỒNG THUỐC
VÀ ĐIỀU TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH MỤC THUỐC
NHÌN GIỐNG NHAU – ĐỌC GIỐNG NHAU
(LASA – LOOK ALIKE SOUND ALIKE)

NĂM 2025

BỆNH VIỆN ĐA KHOA
KHU VỰC CỦ CHI
HỘI ĐỒNG THUỐC
VÀ ĐIỀU TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2025

DANH MỤC THUỐC
NHÌN GIỐNG NHAU - ĐỌC GIỐNG NHAU
(LASA – Look Alike Sound Alike)

Căn cứ danh mục thuốc tại Bệnh Viện, để đảm bảo công tác chống nhầm lẫn, giảm thiểu sai sót và nâng cao hiệu quả trong quá trình cấp phát, sử dụng, Hội đồng thuốc và điều trị thông báo đến các khoa phòng Danh mục thuốc nhìn giống nhau, đọc giống nhau (LASA – look alike sound alike). Danh mục này sẽ được cập nhật, bổ sung trong quá trình sử dụng. Đề nghị các khoa phòng lưu ý thực hiện tốt các nguyên tắc kiểm tra, đối chiếu để tránh nhầm lẫn khi cấp phát, sử dụng thuốc.

- **Việc quản lý thuốc thuộc danh mục LASA cần đảm bảo:**

– Ghi y lệnh rõ ràng tên thuốc, hàm lượng, dạng bào chế, liều dùng.
– Sắp xếp các thuốc LASA tại các vị trí xa nhau, không để cạnh nhau.
– Đặt/dán nhãn cảnh báo tại nơi lưu trữ hoặc trực tiếp trên vỏ hộp.
– Kiểm tra chéo ít nhất bởi 02 nhân viên y tế khi cấp phát cho người bệnh, cho khoa phòng cũng như khi thực hiện y lệnh.
– Thông tin cho Bác sĩ điều trị, Dược sĩ, Điều dưỡng danh sách thuốc đọc viết gần giống nhau để tránh nhầm lẫn trong thao tác kê đơn trên phần mềm.

– Định kỳ rà soát thuốc thực tế tại kho thuốc, nhà thuốc để cập nhật danh mục.

Chú thích:

- ***Thuốc nhìn gần giống nhau (Look Alike - LA)*** là các thuốc:
  - Có hình dạng, màu sắc, kích thước và chi tiết gần giống nhau hoặc
  - Được đóng gói trong bao bì trực tiếp (vỉ, viên, ống, lọ, chai, túi) hoặc bao bì gián tiếp (hộp) tương tự nhau về hình dạng, màu sắc, kích thước và thiết kế trên bao bì.
- ***Thuốc đọc gần giống nhau (Sound Alike - SA)****:* là các thuốc có tên biệt dược hoặc tên hoạt chất phát âm tương tự nhau hay có cách viết tương tự nhau.
- **Mẫu nhãn cảnh báo:**

I.DANH MỤC THUỐC NHÌN GIỐNG NHAU:

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT		
1	**TENAMYD-CEFTAZIDIME**	**TENAMYD-CEFOTAXIME**	**CEFTRIAXONE**
	Hoạt chất: **Ceftazidime 1000mg**	Hoạt chất: **Cefotaxime 1000mg**	Hoạt chất: **Ceftriaxone 1000mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **TENAMYD-CEFTAZIDIME màu đen**, "Thuốc kê đơn" in màu trắng trên nền màu cam.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **TENAMYD-CEFOTAXIME màu đen**, "Thuốc kê đơn" in màu đen trên nền màu trắng – tím.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **CEFTRIAXONE màu đen**, "Thuốc kê đơn" in màu đen trên nền màu trắng.

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
2	**METHOCARBAMOL MCN 1000**	**IMIDU 60mg**
	Hoạt chất: **Methocarbamol 1000mg**	Hoạt chất: **Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **METHOCARBAMOL in hoa màu đen nằm nghiêng** trên nền **màu trắng**	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **Imidu in thường màu đen nằm dọc** trên nền **màu trắng**
	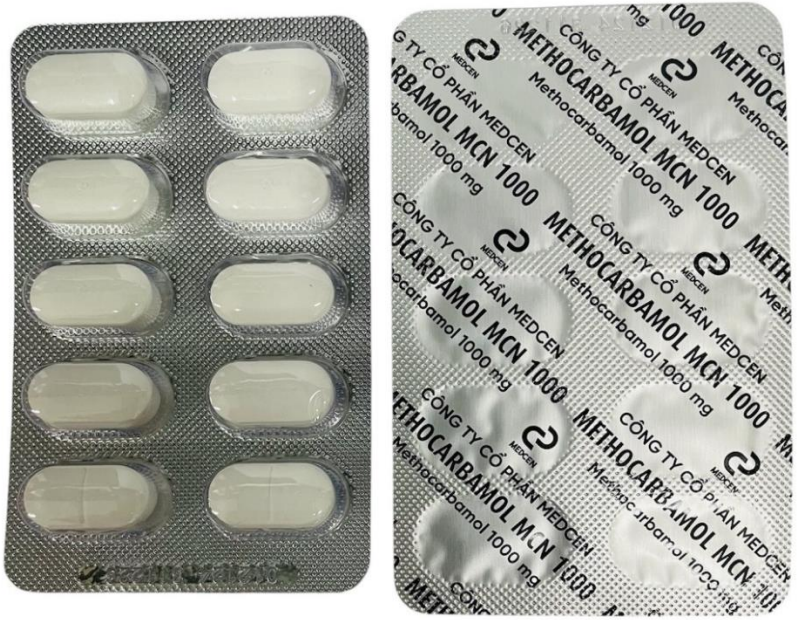	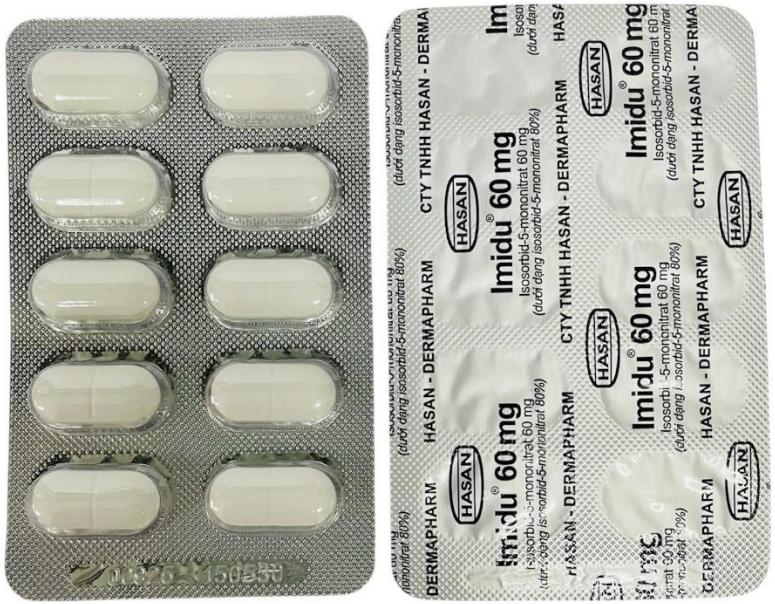

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
3	**NAKIBU**	**METFORMIN 850mg**
	Hoạt chất: **Paracetamol 300mg + methocarbamol 380mg**	Hoạt chất: **Metformin 850mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **NAKIBU** in hoa **màu vàng** trên vỉ thuốc	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **METFORMIN** in hoa **màu đỏ** trên vỉ thuốc

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
4	**ALPHACHYMOTRYPSIN**	**NEFOLIN 30mg**
	Hoạt chất: **Alpha chymotrypsin 4200 UI**	Hoạt chất: **Nefopam hydroclorid 30mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **ALPHACHYMOTRYPSIN in hoa nằm ngang** trên vỉ thuốc	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **NEFOLIN in hoa nằm dọc** trên vỉ thuốc

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
5	**ZENSONID**	**ZENSALBU**
	Hoạt chất: **Budesonid 0,5 mg/2 ml**	Hoạt chất: **Salbutamol 5 mg/2,5 ml**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **ZENSONID** được **in hoa** và bao bì in hình người **màu xanh lá cây nhạt**, ống thuốc in nhãn màu **xanh lá cây**.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **ZENSALBU** được **in hoa** và bao bì in hình người **màu đỏ**, ống thuốc in nhãn **màu cam**.

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
6	**SAVJENTA 5**	**SAVXIGA 10**
	Hoạt chất: **Linagliptin 5mg**	Hoạt chất: **Dapagliflozin 10mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **Savjenta** in thường **màu xanh nước biển** *nằm nghiêng* trên vỉ thuốc	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **Savxiga** in thường **màu xanh dương nằm dọc** trên vỉ thuốc

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
7	**EXFORGE 5mg/80mg**	**FORXIGA 10mg**
	Hoạt chất: **Amlodipine besylate 6,94mg** (tương đương với 5mg Amlodipine) và **80mg Valsartan**	Hoạt chất: **Dapagliflozin 10mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **EXFORGE** được **in hoa màu đen** trên vỉ thuốc.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **forxiga** được **in thường màu đen** trên vỉ thuốc.
	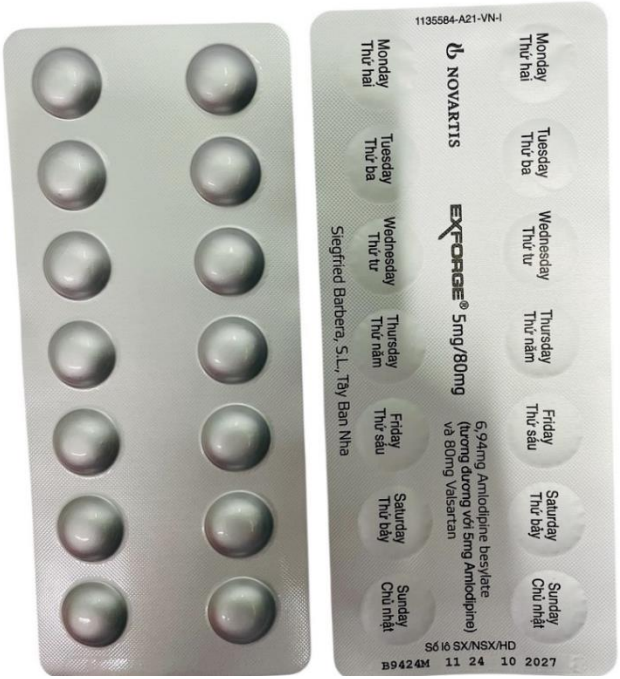	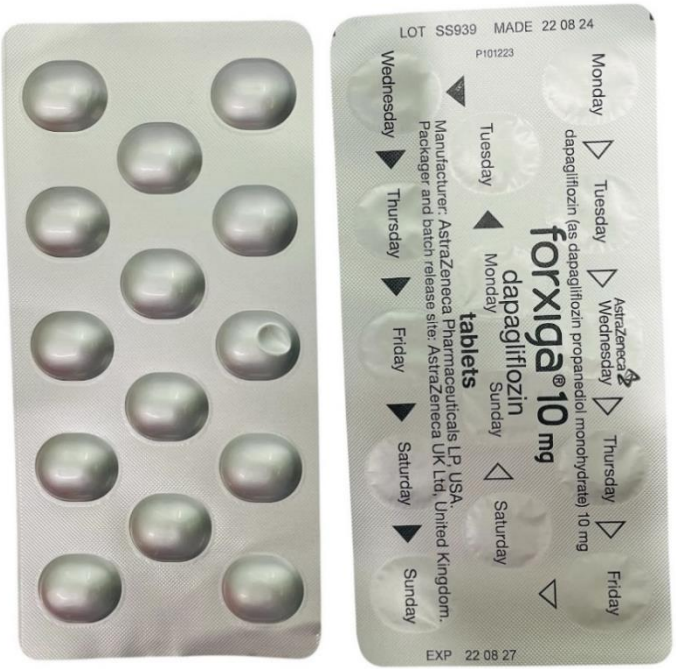

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
8	**VITAMIN C STELLA 1g**	**PARTAMOL 650 eff.**
	Hoạt chất: **Vitamin C 1g**	Hoạt chất: **Paracetamol 650mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **VITAMIN C** được **in thường** **màu vàng** trên vỉ thuốc.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **Partamol** được **in thường** **màu trắng** trên vỉ thuốc.

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
9	**VITAMIN 3B**	**PLEMINOS**
	Hoạt chất: **Vitamin B1 125mg + Vitamin B6 125mg + Vitamin B12 125 mcg**	Hoạt chất: **Diosmin 600mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **VITAMIN 3B** được **in hoa màu xanh *nằm nghiêng*** trên vỉ thuốc.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **Pleminos** được **in thường màu đen nằm dọc** trên vỉ thuốc.

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
10	**VINPHASON**	**VINSOLON**
	Hoạt chất: **Hydrocortison 100mg**	Hoạt chất: **Methyl prednisolon 40mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **Vinphason** được **in thường màu xanh lá cây** trên lọ thuốc.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **VINSOLON** được **in hoa màu xanh dương** trên lọ thuốc.

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
11	**CIPROFLOXACIN**	**TINIDAZOL**
	Hoạt chất: **Ciprofloxacin 500mg**	Hoạt chất: **Tinidazol 500mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **Ciprofloxacin** được **viết hoa** chữ **C màu trắng**, chữ **iprofloxacin màu đỏ** nhiều lần trên vỉ thuốc.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **TINIDAZOL** được **in hoa màu xanh dương** nhiều lần trên vỉ thuốc.
		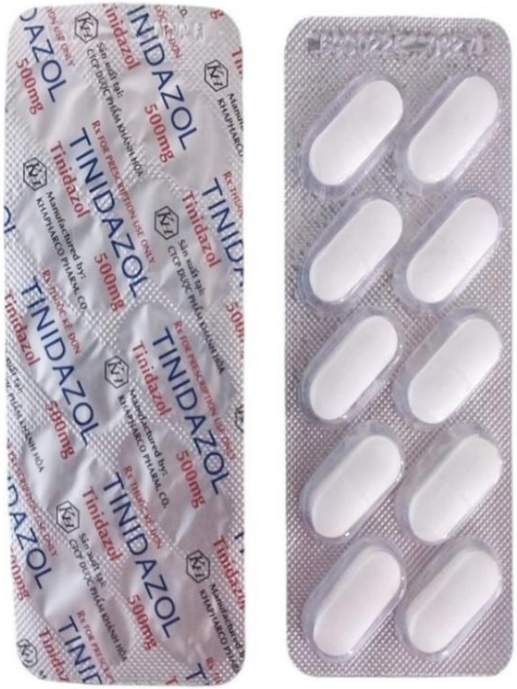

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
12	**NERAZZU-50**	**DIVASER-F**
	Hoạt chất: **Losartan kali 50mg**	Hoạt chất: **Betahistin dihydroclorid 16mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **NERAZZU-50** được in hoa **màu đen** trên vỉ thuốc.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **DIVASER-F** được in hoa **màu đen** trên vỉ thuốc.

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
13	**BASICILLIN 100mg**	**MEDOCLOR 500mg**
	Hoạt chất: **Doxycycline 100mg**	Hoạt chất: **Cefaclor 500mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **BASICILLIN** in hoa **màu đen** trên vỉ thuốc.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **MEDOCLOR** in hoa **màu đen** trên vỉ thuốc.

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
14	**HADUBAMOL**	**METHOCARBAMOL MCN 1000**
	Hoạt chất: **Methocarbamol 500mg**	Hoạt chất: **Methocarbamol 1000mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **HADUBAMOL** được **in hoa màu xanh dương** trên vỉ thuốc.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **METHOCARBAMOL MCN** in hoa **màu đen** trên vỉ thuốc.

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
15	**NAKFLON**	**NATONDIX**
	Hoạt chất: **Carbocisteine 375mg**	Hoạt chất: **Nabumeton 750mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **Nakflon** được **in thường** nhiều lần có **chữ N in hoa màu xanh da trời**, chữ **akflon in thường màu đen** ***nằm nghiêng*** trên vỉ thuốc.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **NATONDIX in hoa** nhiều lần **màu đen** ***nằm ngang*** trên vỉ thuốc.

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
16	**DEXTROMETHORPHAN 15**	**INTERGINKO TABLET**
	Hoạt chất: **Dextromethorphan.HBr 15mg**	Hoạt chất: **Ginko leaf extract 80mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **DEXTROMETHORPHAN in hoa màu xanh lá cây** trên vỉ thuốc.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **INTERGINKO in hoa**, **tablet** in thường **màu đen** trên vỉ thuốc.
		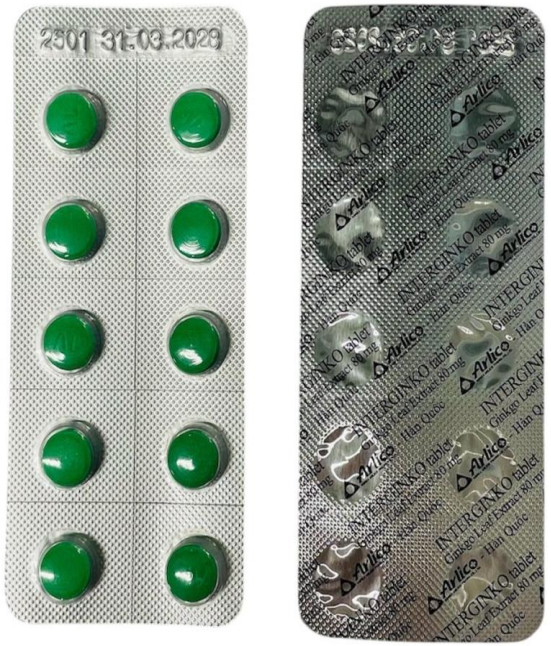

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
17	**PERISAVI 5**	**SAVIDOPRIL 8**
	Hoạt chất: **Perindopril arginin 5mg**	Hoạt chất: **Perindopril erbumin 8mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **PERISAVI** có chữ **Peri** in thường **màu đen**, **Savi** in thường **màu xanh nước biển**.	Nhãn thuốc bố trí:tên thuốc **SAVIDOPRIL** có chữ **Savi** in thường **màu xanh nước biển**, **Dopril** in thường **màu đỏ**.

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
18	**HEXICOF**	**BISOPLUS HCT 5/12.5**
	Hoạt chất: **Bromhexin hydroclorid 8mg**	Hoạt chất: **Bisoprolol 5mg + hydroclorothiazid 12.5mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **HEXICOF** được **in hoa màu xanh nằm dọc bên phải** trên vỉ thuốc.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **BISOPLUS HCT 5/12.5** có chữ **Bisoplus** in thường, chữ **HCT in hoa màu đen nằm dọc** trên vỉ thuốc.
		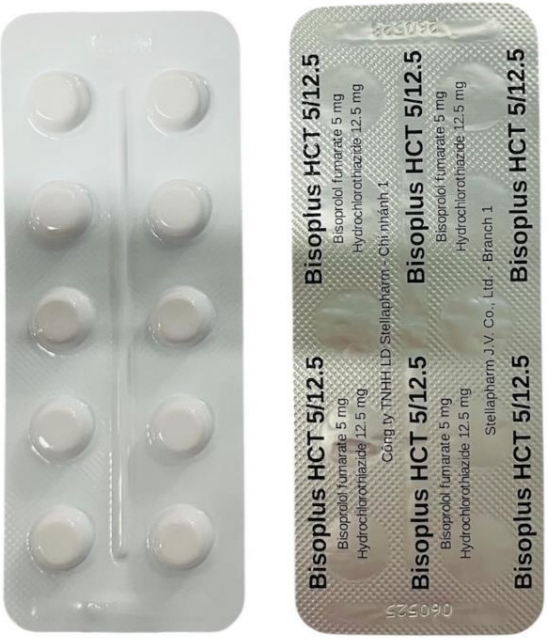

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
19	**STEROLOW 20**	**INSUACT 20**
	Hoạt chất: **Rosuvastatin 20mg**	Hoạt chất: **Atorvastatin 20mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **Sterolow in thường chữ đậm màu xanh lá cây** trên vỉ thuốc.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **INSUACT in hoa** màu xanh lá cây trên vỉ thuốc.
	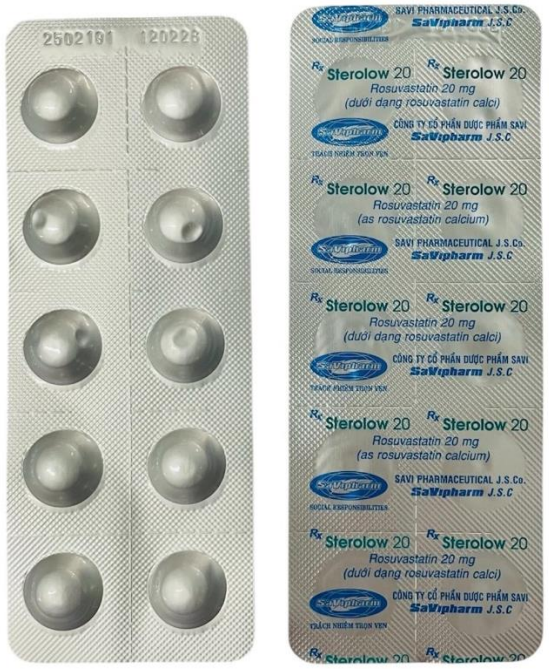	

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
20	**LIZETRIC**	**CARDILOL**
	Hoạt chất: **Lisinopril 10mg**	Hoạt chất: **Carvedilol 25mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **Lizetric in thường màu đen** nằm dọc trên vỉ thuốc.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **CARDILOL in hoa màu đỏ** nằm nghiêng trên vỉ thuốc.

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
21	**GLICLADA**	**VALSARFAST PLUS**
	Hoạt chất: **Gliclazid 60mg**	Hoạt chất: **Valsartan 80mg + hydroclorothiazid 12,5mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **Gliclada** được **in thường màu đen** trên vỉ thuốc.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **Valsarfast Plus** được **in thường màu đen** trên vỉ thuốc.
		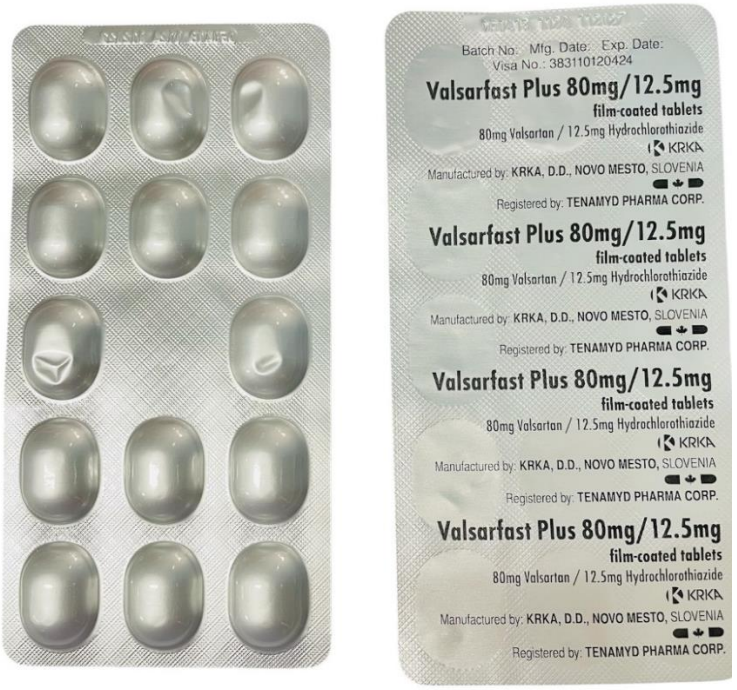

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
22	**LANSOPRAZOLE STELLA**	**VASTAREL OD**
	Hoạt chất: **Lansoprazol 30mg**	Hoạt chất: **Trimetazidin 80mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **Lansoprazole** được **in thường, STELLA** được **in hoa màu đen** nằm dọc trên vỉ thuốc.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **VASTAREL OD in hoa màu đỏ** nằm ngang trên vỉ thuốc.

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
23	**RIVACRYST**	**XARELTO**
	Hoạt chất: **Rivaroxaban 20mg**	Hoạt chất: **Rivaroxaban 20mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **Rivacryst in thường màu đen** nằm ngang trên vỉ thuốc.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **Xarelto in thường màu đen** nằm dọc trên vỉ thuốc.
	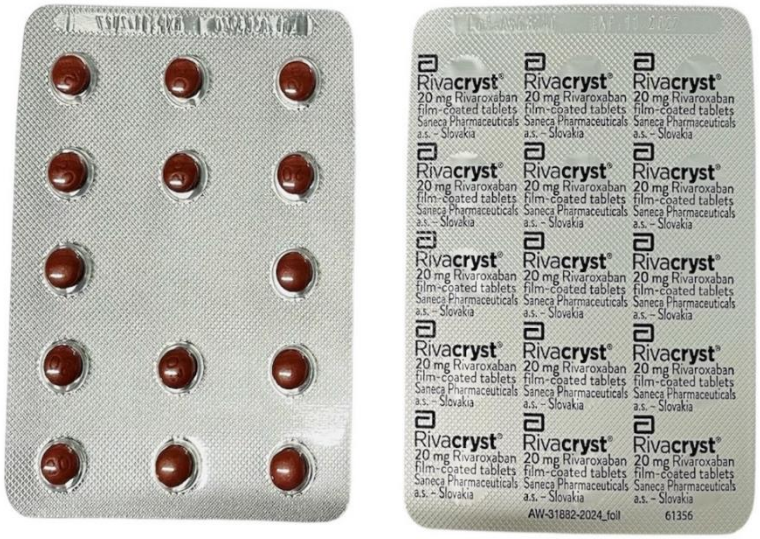	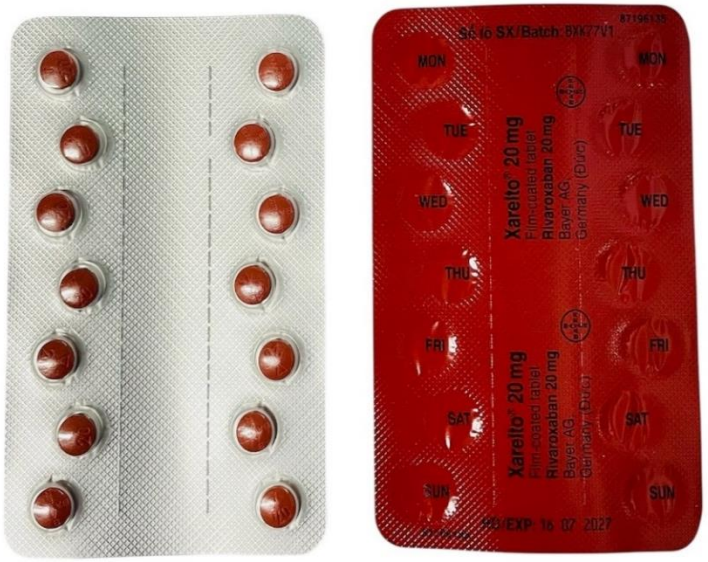

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
24	**SARTAN**	**UMENOHCT 20/12,5**
	Hoạt chất: **Candesartan cilexetil 32mg**	Hoạt chất: **Lisinopril 20mg + hydroclorothiazid 12,5mg**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **SARTAN** được **in hoa màu đỏ** trên vỉ thuốc.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **UMENOHCT** có chữ **Umeno** in thường, chữ **HCT in hoa màu đen** trên vỉ thuốc.
		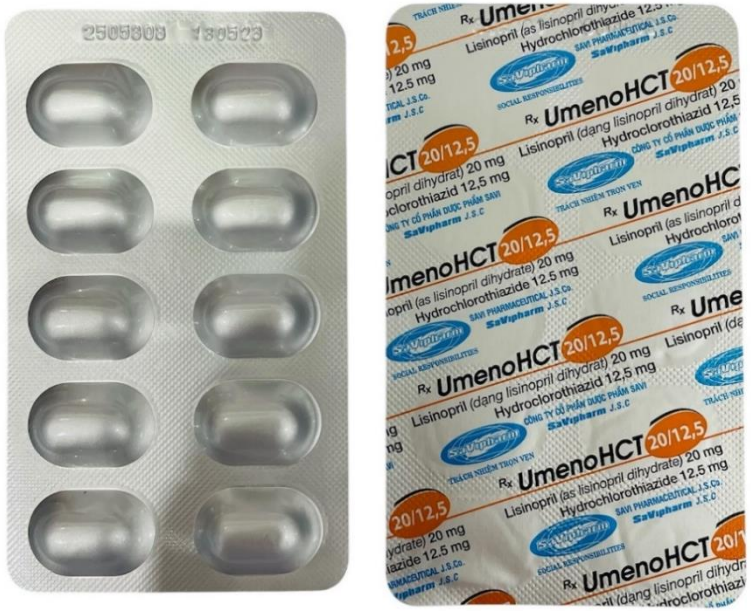

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
25	**METRONIDAZOLE**	**NATRI CLORID**
	Hoạt chất: **Metronidazole 0,5g/100ml**	Hoạt chất: **Natri clorid 900mg** **Tá dược vừa đủ 100ml**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **Metronidazole in thường màu xanh nước biển**, chữ GMP-WHO in **bên trái** túi thuốc.	Nhãn thuốc bố trí:tên thuốc **Natri clorid in thường màu xanh nước biển**, chữ GMP-WHO **in giữa** túi thuốc.

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT	
26	**GOLISTIN-ENEMA**	**GOLISTIN SODA**
	Hoạt chất: **Monobasic natri phosphat (dưới dạng Monobasic natri phosphat.H2O) 21,41g;** **Dibasic natri phosphat (dưới dạng Dibasic natri phosphat.7H2O) 7,89g**	Hoạt chất: **Monobasic natri phosphate 417 mg/ml** **Dibasic natri phosphate 95 mg/ml**
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **Golistin-enema in thường màu xanh lá cây đậm** với thể tích 133ml, thuốc thụt hậu môn trực tràng.	Nhãn thuốc bố trí:tên thuốc **Golistin soda** in thường **màu xanh lá cây đậm** với thể tích 45ml, dung dịch uống.

STT	TÊN THUỐC, MÔ TẢ VÀ CÁCH PHÂN BIỆT		
27	**AMINOLEBAN**	**KIDMIN**	**AMIPAREN**
	Dung dịch **8% acid amin** truyền tĩnh mạch dành cho bệnh lý **gan**	Dung dịch **7,2% acid amin** truyền tĩnh mạch dành cho bệnh lý **thận**	Dung dịch **10% acid amin** truyền tĩnh mạch dành cho trường hợp giảm protein huyết tương, suy dinh dưỡng, trước và sau phẫu thuật
	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **Aminoleban in thường màu cam**, các thông tin in trên nhãn thuốc **màu cam**.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **Kidmin in thường màu xanh dương**, các thông tin in trên nhãn thuốc **màu xanh dương**.	Nhãn thuốc bố trí: tên thuốc **Amiparen in thường màu đỏ**, các thông tin in trên nhãn thuốc **màu đỏ**.

II. DANH MỤC CÁC THUỐC ĐỌC GIỐNG NHAU:

TT	THUỐC 1	Đơn vị	THUỐC 2	Đơn vị
1	**TI**nidazol (Tinidazol 500mg)	Viên	**TI**zanad (Tizanidin 4mg)	Viên
2	**CIPROFLOXACIN** Polpharma (Ciprofloxacin 2mg/ml)	Túi	**CIPROFLOXACIN** IMP (Ciprofloxacin 200mg/20ml)	Lọ
3	**ZEN**combi 2,5mg/ml (Salbutamol (2,5mg + 0,5mg)/ + ipratropium 2,5ml)	Lọ	**ZEN**salbu 5mg/2,5ml Salbutamol (sulfat) (5mg/2,5ml)	Ống
4	**AM**lo**DIPINE** (Amplodipine 5mg)	Viên	**AMDEPIN** Duo (Amplodipine 5 mg và Atorvastatin 10mg)	Viên
5	**SAV**xiga 10 (Dapagliflozin 10mg)	Viên	**SAV**jenta 5 (Linagliptin 5mg)	Viên
6	**MEZA**terol 20 (Bambuterol 20mg)	Viên	**MAZA**mazol (Bambuterol 20mg)	Viên
7	**VIN**phas**ON** (Hydrocortison 100mg)	Lọ	**VIN**sol**ON** (Methylprednisolon 40mg)	Lọ
8	**COLISTI**n (Colistin 2 MIU; 3 MIU)	Lọ	**COLISTI**med (Colistin 1MIU)	Lọ
9	**PREGA**baKern (Pregabalin 100mg)	Viên	**PRE**ga (Pregabalin 100mg)	Viên

TT	THUỐC 1	Đơn vị	THUỐC 2	Đơn vị
10	Methyl**DOPA** (Methyldopa 250mg)	Viên	Agi**DOPA** (Methyldopa 250mg)	Viên
11	**TENFOv**ix (Tenofovir (TDF) 300mg)	Viên	**TENoFOv**ir (Tenofovir (TDF) 300mg)	Viên
12	**Nước cất** ống nhựa (Nước cất pha tiêm 5 ml; 10ml)	Ống	**Nước cất** pha tiêm (Nước cất pha tiêm 500ml)	Chai
13	**M**Ifet**ONE** (Misoprostol 200mcg)	Viên	**M**Etil**ONE** (Methyl prednisolon 16mg)	Viên

Tài liệu tham khảo:

[1] Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022;

[2] Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc;

[3] Pharmaceutical Services Division Ministry of Health Malaysia (2012). Guide on handling look alike, sound alike medications.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thành Phương